

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học,
công nghệ đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 238-KH/TU, ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4162/TTr-SKHCN ngày 30/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Cung cấp cơ sở khoa học phục vụ xây dựng và hoàn thiện các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển của tỉnh.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.
- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới công nghệ; làm chủ và ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến, tạo bước đột phá về chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.
- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ cao, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và các lĩnh vực công nghệ ưu tiên khác, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.
- Sử dụng và phát triển hiệu quả tiềm lực khoa học công nghệ, nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng công nghệ cho người dân, doanh nghiệp; góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực trọng điểm; góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của tỉnh Lạng Sơn.
- Đến năm 2030, tỷ lệ kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách của tỉnh (chưa bao gồm nguồn vốn hợp pháp khác) được ứng dụng vào thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu đạt trên 60%.
- Đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt trên 5%.

II. NỘI DUNG VÀ LĨNH VỰC ƯU TIÊN

1. Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp

- Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) trong sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái đa lợi

ích, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải; phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao và các công nghệ thân thiện với môi trường trong chọn tạo, nhân giống các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nhất là đối với cây dược liệu, lúa, rau hoa, cây ăn quả, gia súc, thủy sản... phù hợp với đặc thù từng vùng sinh thái; qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ các loại nông, lâm, thủy sản có giá trị kinh tế.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng trong trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh hại, xử lý môi trường, sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; trong nuôi trồng, chế biến tảo, vi tảo, nấm.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong phát triển, quản lý và khai thác bền vững tài nguyên rừng. Nghiên cứu, triển khai các mô hình trồng cây dược liệu, cây gỗ lớn, cây lấy tinh dầu, kết hợp chăn nuôi dưới tán rừng gắn với khoanh nuôi, tái sinh và bảo vệ rừng, nhằm tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm giải phóng và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp; đồng thời phát triển, khai thác và thương mại hóa tín chỉ carbon trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực y, dược

- Nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao và phát triển các công nghệ mới, tiên tiến và kỹ thuật cao trong lĩnh vực y tế, khám chữa bệnh, phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; trọng tâm là các công nghệ y học tái tạo và kỹ thuật tạo mô, công nghệ tế bào gốc, công nghệ enzyme, công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới (NGS), các phương pháp điều trị đích trong ung thư và các công nghệ y học hiện đại khác.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kiểm soát và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; triển khai các giải pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng trong quản lý và sử dụng thuốc kháng sinh trong dự phòng và điều trị nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, hạn chế tình trạng kháng thuốc. Đồng thời, nghiên cứu, ứng dụng và tăng cường quản lý trong công tác dự phòng, chẩn đoán, điều trị các dịch bệnh mới nổi, tái nổi và các bệnh không lây nhiễm.

- Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, khám, chữa bệnh, bệnh viện thông minh, hồ sơ bệnh án điện tử, thử nghiệm, áp dụng ứng dụng (apps) quản lý các bệnh mãn tính.

- Nghiên cứu, ứng dụng các bài thuốc dân gian, cổ truyền phục vụ khám chữa bệnh trong Nhân dân.

- Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng từ các loài cây thuốc đặc hữu của Lạng Sơn, nhằm hình thành và phát triển các sản phẩm mang thương hiệu của tỉnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu quý; xây dựng và mở rộng các vùng trồng chuyên canh cây dược liệu; hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu. Ứng dụng công nghệ tách, chiết hoạt chất, công nghệ bào chế dược phẩm và sản xuất thực phẩm chức năng từ dược liệu.

3. Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kỹ thuật công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trong các lĩnh vực: nông nghiệp, chính quyền điện tử; quản lý đô thị, giao thông; phòng chống thiên tai; tài nguyên rừng và đất đai; du lịch; quản lý biên giới...

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phát triển đô thị thông minh; phát huy hiệu quả của chính quyền điện tử, chính quyền số; phát triển hạ tầng số, tạo nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển các mô hình sản xuất thông minh, quản lý thông minh.

- Ứng dụng các loại vật liệu xây dựng mới; sản xuất vật liệu xây dựng tạo ra từ vật liệu mới, công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng lớn, quản trị hiện đại.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng ít năng lượng, không ô nhiễm môi trường, năng suất cao để phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả hệ thống thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải (bao gồm cả chất thải rắn như chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nhựa, nước thải và khí thải) bằng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT)... để nâng cao hiệu quả quản lý tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đất đai, đô thị. Tập trung nghiên cứu sử dụng các vật liệu mới có tính năng kỹ thuật cao trong sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, y tế; Ứng dụng công nghệ tổng hợp và tự động hóa trong trồng trọt và chăn nuôi.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong chuyển đổi số, trong đó tập trung vào các nền tảng số hiện đại, ưu tiên các lĩnh vực quản lý hành chính, cửa khẩu số và trong các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, giao thông,...

- Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu đảm bảo đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình Trung tâm điều hành thông minh cấp xã, trạm dịch vụ công tự động; đồng thời tích hợp các nền tảng quản trị số tại địa

phương nhằm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính ở cấp xã, phường.

4. Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Nghiên cứu các vấn đề kinh tế phát triển nhanh và bền vững của tỉnh:

Nghiên cứu các mô hình kinh tế mới, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đêm, kinh tế chia sẻ, kinh tế di sản, kinh tế dược liệu, kinh tế ứng phó với biến đổi khí hậu, nông nghiệp số, du lịch xanh, du lịch tái tạo, du lịch số... Nghiên cứu phát triển kinh tế gắn với khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: động lực, mô hình, chính sách phát triển, cơ chế giám sát về kinh tế và quản lý kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế số, chính quyền số, đô thị thông minh...

- Nghiên cứu các vấn đề xã hội - văn hoá - dân tộc:

Các vấn đề về xã hội: Nghiên cứu cơ chế thu hút, trọng dụng, đãi ngộ các nhà khoa học, các chuyên gia, người có tài năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế và mục tiêu phát triển xã hội, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Các vấn đề văn hóa: Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số trong công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phục hồi và bảo tồn di tích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phục vụ phát triển địa phương (di sản văn hóa tâm linh, văn hóa gắn với hệ sinh thái, văn hóa gắn với cộng đồng các dân tộc...). Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khảo cổ các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh; bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống lịch sử của Lạng Sơn. Vấn đề lịch sử - văn hóa gắn với phát triển kinh tế, đặc biệt là gắn với phát triển du lịch.

Các vấn đề dân tộc: Nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn, phục hồi và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, cung cấp thông tin cho người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc các tôn giáo thông qua nền tảng số; tiếp tục phát huy các nguồn sẵn có của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Nghiên cứu các vấn đề về quốc phòng - an ninh ở Lạng Sơn: Nghiên cứu các giải pháp phòng ngừa và xử lý những mâu thuẫn và xung đột xã hội phát sinh trong điều kiện kinh tế thị trường ở Lạng Sơn; Nghiên cứu về an ninh biên giới, về xây dựng khu vực phòng thủ và lực lượng phòng thủ ở Lạng Sơn trong tình hình mới; Phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ an ninh mạng và phòng chống tội phạm lợi dụng công nghệ cao. Các giải pháp phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- **Nghiên cứu các vấn đề về ngoại giao, hợp tác của tỉnh:** Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chính sách đối ngoại để thúc đẩy hội nhập quốc tế của tỉnh. Xây dựng chuỗi giá trị các sản phẩm văn hoá để ứng dụng vào thực tiễn. Quảng bá văn hóa, hình ảnh đất nước con người Lạng Sơn ra bên ngoài. Xây dựng các chính sách, giải pháp thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác của Lạng Sơn với đối tác trên thế giới nhằm thu hút nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thu hút đầu tư nước ngoài, khu kinh tế, khu công nghiệp, liên kết vùng, thương mại đầu tư xuyên biên giới, logistics.

5. Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực môi trường, tiết kiệm năng lượng và phát triển nguồn năng lượng mới

- Tập trung nghiên cứu, xác định các luận cứ khoa học và thực tiễn trong xây dựng các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

- Nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng các giải pháp công nghệ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn và tại các khu du lịch; triển khai các công nghệ phù hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề; đồng thời nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản, các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, ứng dụng năng lượng tái tạo (mặt trời, điện gió, sinh khối) phục vụ chuyển đổi xanh và phát triển bền vững tỉnh Lạng Sơn.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các nguồn năng lượng sạch phục vụ nông nghiệp sinh thái; thúc đẩy mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển du lịch; triển khai sử dụng năng lượng mặt trời trong tưới tiêu và các hệ thống tự động hóa sản xuất nông nghiệp.

6. Khoa học và công nghệ trong phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh gắn kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện - trường, doanh nghiệp và cộng đồng khởi nghiệp.

- Nghiên cứu mô hình đổi mới sáng tạo mở (open innovation) thích ứng với điều kiện địa phương, khuyến khích sử dụng tri thức, công nghệ từ bên ngoài và chia sẻ nguồn lực trong nội bộ hệ sinh thái.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách để hình thành và vận hành các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo Lạng Sơn; hỗ trợ vườn ươm, trung tâm công nghệ mở, không gian sáng tạo.

- Nghiên cứu các mô hình liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và chính quyền địa phương trong nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ.

7. Khoa học và công nghệ trong nhân rộng các kết quả nghiên cứu

- Nghiên cứu đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã nghiệm thu được Hội đồng khoa học và công nghệ khuyến nghị có

khả năng nhân rộng dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội, điều kiện áp dụng và nhu cầu của địa phương.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên kết với các đơn vị nghiên cứu tổ chức xây dựng các mô hình nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học nhằm đẩy nhanh sản xuất tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị lưu thông trên thị trường.

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ các tổ chức cá nhân tiếp nhận các quy trình công nghệ được tạo ra từ các nghiên cứu khoa học; hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm; hỗ trợ tổ chức sản xuất, tiêu thụ và thương mại hóa sản phẩm, mở rộng thị trường...

(Có Danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên thực hiện đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thực hiện cơ chế đặt hàng, tuyển chọn, đấu thầu nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo nhu cầu phát triển thực tiễn của tỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Nghiên cứu thành lập và vận hành Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh để hỗ trợ tài chính, tín dụng và ươm tạo công nghệ theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chính sách ưu đãi thuế, đất đai, tín dụng, đào tạo nhân lực khoa học công nghệ theo quy định.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị nghiên cứu, trung tâm ứng dụng, trung tâm đổi mới sáng tạo, phòng thí nghiệm, khu thử nghiệm công nghệ.

4. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hỗ trợ đào tạo kỹ năng công nghệ mới, quản trị đổi mới sáng tạo. Có chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, trí thức trẻ, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

5. Mở rộng hợp tác khoa học công nghệ với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế, tạo mạng lưới đổi mới sáng tạo đa tầng.

6. Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, đánh giá, giám sát tiến độ và hiệu quả các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học và công nghệ. Thúc đẩy truyền thông số về kết quả nghiên cứu, mô hình ứng dụng và đổi mới sáng tạo tiêu biểu nhằm lan tỏa hiệu quả khoa học công nghệ trong cộng đồng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các nguồn huy động hợp

pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan xác định các nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực triển khai hàng năm và dự toán ngân sách thực hiện, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Định kỳ hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức đánh giá, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tiễn của tỉnh. Đến năm 2030, tổ chức tổng kết Chương trình khung, đánh giá tác động, đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã và cơ quan, đơn vị có liên quan

Thực hiện Chương trình này theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ; đồng thời tích cực đề xuất các giải pháp thúc đẩy các lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương triển khai hiệu quả khoa học và phát triển công nghệ trong thời gian tới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX(HTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn

